

Thứ sáu, ngày 13 tháng 10 năm 2023

## Vietnam Daily Review

### VN-Index tiếp tục tăng nhẹ

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 13/10/2023		●	
Tuần 09/10-13/10/2023		●	
Tháng 10/2023		●	

#### Nhận định:

**Thị trường cơ sở:** Thị trường mở cửa giảm điểm và giằng co trong vùng 1,140 – 1,150 cả ngày trước khi bật tăng trở lại vào cuối phiên và đóng cửa tại mốc 1,154.73 điểm, tăng hơn 3 điểm so với hôm qua. Số mã giảm nhiều hơn số mã tăng, 8/18 ngành tăng điểm với ngành Du lịch và giải trí dẫn đầu đà tăng hôm nay, theo sau là ngành Hóa chất, Bán lẻ. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên sàn HSX và mua ròng trên sàn HNX. Lực bắt đáy đã xuất hiện ở ngưỡng 1,140. Trong những phiên giao dịch tới, sau khi tích lũy đủ trong vùng 1,145 - 1,155, thị trường có thể bật tăng trở lại về ngưỡng kháng cự 1,160.

**Hợp đồng tương lai:** Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30 trừ HĐTL VN30F2403 và VN30F2310. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong những phiên tới.

**Chứng quyền:** Trong phiên giao dịch ngày 13/10/2023, các chứng quyền biến động theo đà tăng của cổ phiếu cơ sở.

#### Điểm nhấn:

- VN-Index **+3.12** điểm, đóng cửa **1154.73** điểm. HNX-Index **+0.62** điểm, đóng cửa **239.05** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VJC (+0.87)**, **VCB (+0.84)**, **GVR (+0.56)**, **BID (+0.44)**, **KDH (+0.43)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VHM (-0.69)**, **VIC (-0.38)**, **CTG (-0.35)**, **TCB (-0.26)**, **BCM (-0.23)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **13,157** tỷ đồng, giảm **-5.1%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức **13,956** tỷ đồng.
- Biên độ dao động: **16.11** điểm. Thị trường có **192** mã tăng, **82** mã tham chiếu, **274** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-277.11** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **HPG (-134.59 tỷ)**, **MWG (-123.15 tỷ)**, **FUEVFVND (-88.8 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **33.63** tỷ đồng.

#### Diễn biến BSC30, BSC50:

- BSC30 **+1.04%**. Các mã diễn biến tích cực: **KDH (+6.84%)**, **NLG (+2.96%)**, **IDC (+2.94%)**
- BSC50 **+0.33%**. Các mã diễn biến tích cực: **PC1 (+3.06%)**, **PHR (+2.83%)**, **SZC (+2.70%)**

#### Diễn biến các nhóm ngành và chỉ số

Du lịch và Giải trí	3.78%	Dịch vụ tài chính	-0.15%
Hóa chất	1.99%	Điện, nước & xăng	-0.16%
Bán lẻ	1.73%	Tài nguyên Cơ bản	-0.17%
Xây dựng và Vật liệu	0.65%	Y tế	-0.20%
Hàng & Dịch vụ Công	0.52%	Công nghệ Thông	-0.34%
Thực phẩm và đồ uống	0.43%	Bảo hiểm	-0.66%
Dầu khí	0.40%	Truyền thông	-3.10%
Ngân hàng	0.15%	VNMID	0.70%
Ô tô và phụ tùng	-0.01%	VN30	0.10%
Bất động sản	-0.04%	VNSML	-0.11%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-0.05%		

#### BSC RESEARCH

##### Trường phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

##### Nhóm Ví mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

thaopt1@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh

anhvv@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh

anhng@bsc.com.vn

Nguyễn Thùy Trang

trangnt1@bsc.com.vn

**VN-INDEX** **1154.73**

Giá trị: 13156.79 tỷ **3.12 (0.27%)**

Khối ngoại (ròng): -277.11 tỷ

**HNX-INDEX** **239.05**

Giá trị: 1924.22 tỷ **0.62 (0.26%)**

Khối ngoại (ròng): 33.63 tỷ

**UPCOM-INDEX** **87.90**

Giá trị: 558.72 tỷ **-0.17 (-0.19%)**

Khối ngoại (ròng): -8.86 tỷ

#### Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	86.5	0.81%
Giá vàng	1,869	-0.26%
Tỷ giá USD/VND	24,455	0.20%
Tỷ giá EUR/VND	25,807	0.10%
Tỷ giá JPY/VND	163.38	0.10%
LS liên NH 1 tháng	1.6%	0.00%
LS TPCP 5 năm	2.0%	0.00%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

#### Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
DGC	52.48	HPG	-134.59
KDH	27.70	MWG	-123.15
SSI	24.78	FUEVFVND	-88.80
VCB	22.07	FPT	-59.52
PDR	20.47	VPB	-50.70

Nguồn: BSC Research

#### Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Tín hiệu hàng hóa	Trang 2
Danh mục BSC30	Trang 3
Danh mục BSC50	Trang 4
Báo cáo mới nhất	Trang 5
Khuyến cáo sử dụng	Trang 6

## Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 13/10

Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu vào	Liên quan đầu ra
Dầu WTI	Barrel	83.31	-0.22%	1.21%	-5.21%	-3.86%	PVT	GAS, BSR
Dầu Brent	Barrel	86.52	0.81%	2.91%	-5.14%	-6.89%	PVT	GAS, BSR
Xăng	Gallon	2.18	-1.42%	-0.47%	-18.19%	-13.96%	HVN, VJC	PLX, OIL
Natural gas	USD/MMBtu	3.34	-1.13%	5.46%	11.78%	-52.66%		
TTF Gas	EUR/MWh	53.00	15.05%	46.39%	43.96%	-65.54%		
Vàng	Ounce	1,868.72	-0.26%	2.68%	-1.97%	12.18%		PNJ
Bạc	Ounce	21.83	-1.07%	4.43%	-4.42%	15.67%		PNJ
Đậu tương	Bushel	1,287.50	2.81%	0.53%	-4.61%	-8.40%	DBC, QNS	HKB
Sữa	Cwt	16.93	0.53%	0.47%	-7.74%	-22.66%	KDC	VNM, QNS
Cao su	JPY/kg	145.00	1.90%	4.69%	2.91%	10.18%	SRC, CSM, DRC	DPR, PHR, HAG, HNG
Đường	LB	26.35	-0.19%	0.73%	-0.72%	40.09%	VNM, GTN, QNS	SBT, LSS, SLS, QNS,
Ure	USD/T	412.50	-1.79%	-5.17%	-2.94%	-43.49%		DPM, DCM
Niken	LB	18,086.00	-1.70%	-1.94%	-8.12%	-18.32%		PC1
Đồng	LB	3.59	-0.59%	0.81%	-4.57%	3.95%	CAV, SAM, TGP, VTH	MSN, ACM, BGM
Xút	CNY/T	2,980.00	-0.67%	-3.56%	-0.67%	12.03%		CSV
Thép	CNY/ton	3,583.00	-0.11%	-1.08%	-3.76%	-5.81%		HPG
Nhôm	Ton	2,201.00	-0.59%	-1.39%	-0.74%	-6.72%	CAV, SAM, TGP, VTH	

## Thông tin nổi bật

### Giá dầu

- Giá dầu Brent tương lai chốt phiên tăng 0.81% lên 86.52 USD/thùng trong khi dầu thô West Texas Intermediate của Mỹ giảm 0.22% xuống 83.31 USD/thùng.
- Giá dầu đảo ngược xu hướng tăng ban đầu sau khi thông tin về dự trữ dầu thô của Mỹ tăng lần 4 kỳ vọng lãi suất của Mỹ đã đạt đỉnh.

### Giá vàng

- Vàng giao ngay giảm 0.26% xuống 1,868.72 USD/ounce, sau khi chạm mức cao nhất kể từ ngày 27/9 trước đó trong phiên. Giá vàng kỳ hạn của Mỹ giảm 0.2% xuống 1,883 USD.
- Giá vàng giảm khi đồng USD và lợi suất trái phiếu kho bạc tăng cao hơn sau khi giá tiêu dùng của Mỹ tăng nhiều hơn dự kiến trong tháng 9/2023 và làm dấy lên lo ngại rằng Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) có thể giữ lãi suất cao hơn trong một thời gian.

### Giá quặng sắt

- Giá quặng sắt giao tháng 11/2023 trên Sàn giao dịch Singapore tăng 1.8% lên 114.55 USD/tấn. Quặng sắt giao tháng 1/2024 trên Sàn giao dịch hàng hóa Đại Liên của Trung Quốc chốt phiên tăng 1.6% ở mức 837 CNY(114.71 USD)/tấn.
- Giá quặng sắt kỳ hạn tăng phiên thứ hai liên tiếp vào thứ Năm khi các nhà đầu tư cân nhắc triển vọng về các biện pháp bổ sung để vực dậy nền kinh tế đang suy yếu của Trung Quốc chống lại việc cắt giảm sản lượng thép trong nước và sự không chắc chắn về lĩnh vực bất động sản của nước này.

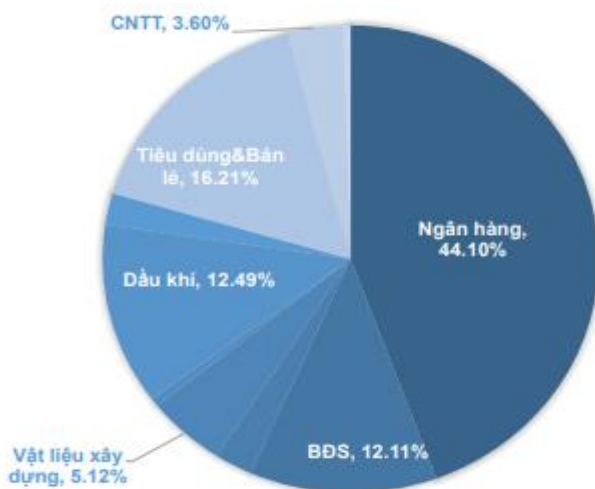
### Giá hàng hóa khác

- Giá đường thô kỳ hạn tháng 3/2024 chốt phiên tăng 0.8% lên 26.61 cent/lb. Nhà sản xuất đường lớn nhất châu Âu, Suedzucker, nâng dự báo lợi nhuận cả năm, một phần vì họ dự kiến giá đường sẽ duy trì ở mức cao lịch sử do nguồn cung thế giới tiếp tục bị siết chặt.
- Giá cà phê robusta kỳ hạn tháng 1/2024 tăng 0.2% lên 2,341 USD/tấn sau khi thiết lập mức thấp nhất trong 6 tháng là 2,223 USD vào thứ Ba. Cà phê robusta Việt Nam vẫn ở mức cao trong tuần này do vụ mùa mới vẫn chưa đến thị trường, trong khi giá ở Indonesia ổn định.

## Danh mục BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link tài báo báo
VCB	Ngân hàng	86.6	0.7%	0.9	19,804	2.3	5,797	14.9	105,000	23.5%	<a href="#">Link</a>
BID	Ngân hàng	42.5	0.8%	0.7	8,796	1.8	4,025	10.6	54,578	17.1%	<a href="#">Link</a>
VPB	Ngân hàng	22.0	0.5%	1.0	6,056	12.3	1,727	12.7	23,685	16.6%	<a href="#">Link</a>
TCB	Ngân hàng	32.2	-0.9%	1.6	4,634	2.6	5,059	6.4	-	22.5%	<a href="#">Link</a>
MBB	Ngân hàng	18.4	0.5%	1.4	3,936	4.4	3,496	5.3	24,400	23.2%	<a href="#">Link</a>
STB	Ngân hàng	31.5	-0.3%	1.0	2,430	14.6	3,600	8.7	31,200	24.4%	<a href="#">Link</a>
GVR	BĐS KCN	21.4	2.6%	1.8	3,502	3.8	714	30.0	19,100	0.5%	<a href="#">Link</a>
KBC	BĐS KCN	33.3	2.8%	1.6	1,046	17.9	4,368	7.6	42,500	20.3%	<a href="#">Link</a>
IDC	BĐS KCN	52.5	2.9%	1.7	709	12.0	3,969	13.2	45,900	11.1%	<a href="#">Link</a>
VGC	BĐS KCN	54.0	2.3%	2.0	991	2.8	2,651	20.4	-	4.8%	<a href="#">Link</a>
HPG	Vật liệu xây dựng	25.8	-0.2%	2.1	6,126	20.6	(328)	-78.5	23,300	26.4%	<a href="#">Link</a>
VHM	Bất động sản	46.9	-1.4%	1.4	8,356	4.9	10,341	4.5	79,900	24.2%	<a href="#">Link</a>
VRE	BĐS	27.4	0.6%	1.1	2,543	1.8	1,588	17.2	38,900	32.1%	<a href="#">Link</a>
KDH	BĐS	32.0	6.8%	1.8	1,047	4.0	1,280	25.0	44,100	38.9%	<a href="#">Link</a>
NLG	BĐS	34.8	3.0%	1.5	547	2.2	1,582	22.0	46,100	41.4%	<a href="#">Link</a>
DGC	Hóa chất	99.3	1.4%	1.7	1,543	13.3	10,728	9.3	85,000	13.5%	<a href="#">Link</a>
DPM	Phân bón	39.6	1.7%	0.9	634	6.5	6,403	6.2	41,000	15.4%	<a href="#">Link</a>
DCM	Phân bón	36.8	1.1%	1.1	796	5.6	4,286	8.6	36,000	11.4%	<a href="#">Link</a>
GAS	Dầu khí	85.8	-0.2%	0.6	8,063	1.5	5,567	15.4	110,500	2.9%	<a href="#">Link</a>
PLX	Dầu khí	36.7	0.0%	0.9	1,908	2.0	2,125	17.3	45,000	17.3%	<a href="#">Link</a>
PVS	Dầu khí	39.9	2.3%	1.1	780	15.3	1,953	20.4	38,500	20.3%	<a href="#">Link</a>
PVD	Dầu khí	28.4	1.6%	1.3	647	9.3	449	63.4	29,000	21.3%	<a href="#">Link</a>
POW	Tiện ích	11.4	-0.4%	0.7	1,092	2.2	602	18.9	14,500	6.2%	<a href="#">Link</a>
VNM	F&B	75.8	0.4%	0.4	6,482	4.6	3,935	19.3	81,700	54.4%	<a href="#">Link</a>
MSN	F&B	72.7	-0.5%	1.1	4,256	3.7	916	79.4	27,700	30.5%	<a href="#">Link</a>
MWG	Bán lẻ	49.5	2.3%	1.8	2,962	19.9	1,069	46.3	63,800	49.0%	<a href="#">Link</a>
PNJ	Bán lẻ	79.8	-0.2%	0.7	1,071	0.9	5,503	14.5	83,500	49.0%	<a href="#">Link</a>
VHC	Thủy sản	82.0	0.5%	0.7	615	2.5	7,080	11.6	90,900	32.1%	<a href="#">Link</a>
GMD	Logistics	66.1	0.9%	0.6	827	2.9	7,470	8.8	57,000	47.0%	<a href="#">Link</a>
FPT	Công nghệ	96.1	-0.3%	0.6	4,994	9.3	4,573	21.0	108,000	49.0%	<a href="#">Link</a>

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Ho Chi Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.



## Danh mục BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE (%)
CTG	Ngân hàng	29.3	-1.00%	1.0	5,761	1.7	3,664	8.0	1.2	27.2%	16.1%
ACB	Ngân hàng	22.6	-0.2%	1.0	3,600	4.3	3,722	6.1	1.4	30.0%	25.2%
HDB	Ngân hàng	17.6	0.6%	0.8	2,083	5.9	2,765	6.4	1.3	20.0%	23.2%
LPB	Ngân hàng	14.2	0.0%	1.1	1,486	1.1	1,410	10.1	1.5	3.9%	15.9%
VIB	Ngân hàng	19.4	-1.5%	1.4	2,008	1.6	3,534	5.5	1.5	20.5%	28.8%
VND	Chứng khoán	22.0	-0.2%	1.9	1,096	20.3	467	47.1	1.8	23.6%	3.8%
TPB	Ngân hàng	17.2	0.3%	1.0	1,554	5.3	2,697	6.4	1.2	28.8%	19.8%
SSI	chứng khoán	33.6	-0.1%	1.5	2,058	30.2	1,090	30.8	2.3	46.1%	9.0%
CII	Xây dựng	18.0	-3.2%	1.9	209	6.9	318	56.6	7.3	8.5%	2.6%
C4G	Xây dựng	12.9	-0.8%	1.8	0	0.9	445	29.0	1.3	0.0%	5.2%
CTD	Xây dựng	54.9	2.0%	1.8	223	2.0	681	80.6	0.7	43.5%	0.8%
HHV	Xây dựng	17.4	-0.6%	1.4	235	5.8	919	19.0	0.7	4.8%	4.2%
LCG	Xây dựng	13.0	-0.8%	2.1	101	2.9	482	26.9	1.0	3.1%	3.8%
BCM	KCN	66.7	-1.3%	0.7	2,825	0.7	418	159.6	3.9	2.7%	1.7%
HUT	KCN	23.5	0.0%	1.4	858	3.7	56	415.9	5.7	2.0%	1.3%
PHR	KCN	50.8	2.8%	1.2	282	1.1	6,568	7.7	2.0	15.4%	26.9%
SZC	KCN	40.0	2.7%	1.7	196	3.4	1,405	28.4	2.9	3.0%	10.9%
HSG	Vật liệu	19.6	-0.3%	2.4	495	4.6	(2,105)	-9.3	1.2	20.5%	2.3%
HT1	Vật liệu	13.8	-1.1%	1.3	216	0.2	176	78.5	1.1	3.6%	1.3%
NKG	Vật liệu	20.6	1.2%	2.5	221	6.1	(2,655)	-7.7	1.1	10.6%	13.5%
PTB	Vật liệu	58.2	0.0%	1.0	159	0.6	5,309	11.0	1.4	17.4%	13.4%
KSB	Vật liệu	29.0	0.0%	1.6	90	1.8	1,482	19.5	1.1	3.0%	5.8%
NVL	BDS	15.0	0.7%	2.0	1,193	9.1	(295)	-50.6	0.7	3.8%	1.9%
DXG	BDS	18.4	2.5%	2.8	458	10.7	(317)	-57.9	0.8	18.5%	3.4%
HDC	BDS	31.9	1.8%	1.4	176	3.3	2,190	14.6	2.3	2.0%	16.9%
DIG	BDS	23.7	-0.4%	2.7	591	15.0	152	155.7	1.9	5.6%	1.1%
IJC	BDS	14.4	0.0%	2.0	148	1.1	1,597	9.0	1.0	5.7%	10.9%
BSR	Dầu khí	21.2	1.4%	1.5	0	7.0	1,596	13.3	1.3	0.4%	9.7%
PVT	Dầu khí	30.0	2.4%	0.6	397	4.4	2,993	10.0	1.2	13.5%	16.4%
PLC	Vật liệu	34.3	-1.2%	1.5	113	0.2	1,353	25.3	2.2	1.2%	8.5%
DRC	Săm lốp	24.4	-0.4%	1.0	119	0.5	1,980	12.3	1.7	11.5%	13.5%
REE	Tiện ích	62.8	-0.2%	0.7	1,050	0.8	6,445	9.7	1.3	49.0%	18.5%
GEX	Tiện ích	21.5	0.5%	1.8	749	12.9	384	55.9	0.9	11.9%	5.4%
NT2	Tiện ích	24.8	0.0%	0.6	293	0.4	2,560	9.7	1.5	15.3%	16.2%
HDG	Bất động sản	28.3	0.4%	1.6	354	1.3	2,739	10.3	1.3	23.8%	16.8%
PC1	Tiện ích	33.7	3.1%	1.4	373	5.5	944	35.7	1.6	5.6%	5.0%
GEG	Tiện ích	14.8	0.0%	0.7	207	0.4	636	23.3	0.9	45.9%	5.6%
BCG	Tiện ích	9.3	-1.0%	2.6	203	2.6	(79)	-118.6	0.4	2.0%	0.3%
SAB	F&B	70.1	1.7%	0.3	3,679	1.7	3,518	19.9	3.7	62.3%	18.7%
QNS	F&B	49.6	-0.6%	0.5	0	1.5	4,965	10.0	2.3	16.2%	24.3%
FRT	Bán lẻ	97.4	1.5%	1.3	543	2.1	(327)	-297.6	8.3	32.6%	11.8%
DGW	Bán lẻ	60.7	0.0%	2.3	415	4.5	2,984	20.3	4.6	23.6%	21.9%
DBC	F&B	23.1	1.3%	2.0	229	3.7	551	41.9	1.2	5.9%	2.9%
PET	Bán lẻ	27.4	-0.4%	2.4	120	0.4	837	32.8	1.5	1.4%	5.7%
BAF	F&B	23.8	0.4%	0.8	140	1.4	1,225	19.4	2.0	0.1%	10.2%
ANV	Thủy sản	40.2	1.9%	1.6	219	4.1	2,162	18.6	2.0	3.9%	10.0%
VSC	Logistics	27.6	-0.2%	0.5	151	0.6	1,370	20.1	1.2	3.2%	7.9%
HAH	Logistics	40.8	1.6%	1.0	176	5.9	5,742	7.1	1.4	4.1%	24.6%
CTR	Công nghệ	81.0	0.0%	1.4	379	0.8	4,238	19.1	5.7	9.7%	32.1%
TNG	Dệt may	21.6	1.9%	1.3	100	3.7	2,353	9.2	1.6	21.5%	17.1%

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logistic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

## Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2023_VN_Trong nguy có cơ	x		<a href="#">Click</a>
2	BSC_Vietnam Sector Outlook 2023		x	<a href="#">Click</a>
3	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		<a href="#">Click</a>
4	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 09.2023	x		<a href="#">Click</a>
5	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 08.2023	x		<a href="#">Click</a>
6	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 07.2023	x		<a href="#">Click</a>
7	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 06.2023	x		<a href="#">Click</a>
8	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 05.2023	x		<a href="#">Click</a>
9	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 04.2023	x		<a href="#">Click</a>
10	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 03.2023	x		<a href="#">Click</a>
11	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 02.2023	x		<a href="#">Click</a>
12	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 01.2023	x		<a href="#">Click</a>

## Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

### BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings  
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Tel: +84 4 3935 2722  
Fax: +84 4 2220 0669

### BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ  
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh  
BSC trân trọng cảm ơn quý khách hàng!  
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>

### Đối với Phân tích Nghiên cứu

#### Phòng Phân tích Nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn  
(+84) 39352722 - Ext 108

### Đối với Khách hàng tổ chức

#### Phòng TVĐT và môi giới KHTC

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn  
(+84)2439264659

### Đối với Khách hàng cá nhân

#### Trung tâm tư vấn i-Center

i-center@bsc.com.vn  
(+84)2437173639

